BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CTĐT: Trí tuệ nhân tạo ứng dụng (Khoa học máy tính) **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			Tiến độ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**38**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung năm I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			**2**						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		4
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		5
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		5
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		5
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		5
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		5
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		5
13	GE4347	Pickleball	1		30		GE4306		5
V. Đại cương chung			**24**						
14	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	IN4500	Nhập môn ngành Khoa học máy tính	1	15					1
17	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
18	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	20	20				3
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		4
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
22	IN4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30					6
23	IN4600	Kỹ năng tìm kiếm việc làm và khởi nghiệp	3	30	30				7
24	IN4602	Luật CNTT, An ninh mạng và Sở hữu trí tuệ	2	30					7
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**127**						
I. Kiến thức cơ sở ngành			**29**						
25	IN4017	Toán rời rạc	3	45					1
26	IN4012N	Lập trình căn bản	3	30	30				1
27	IN4002	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	3	30	30		IN4012N		2
28	IN4019N	Lý thuyết đồ thị	2	30			IN4017		2
29	IN4219	Xác suất thống kê cho tin học	2	30					2
30	IN4307	Đại số tuyến tính	2	30					2
31	IN4107	Cơ sở dữ liệu	3	30	30				3
32	IN4126N	Lý thuyết thông tin	2	30					3
33	IN4601	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	3	30	30				3
34	IN4539	Cơ sở toán cho Trí tuệ nhân tạo	3	30	30		IN4219		4
35	IN4603	Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng	3	30	30		IN4002		4
II. Kiến thức chuyên ngành			**78**						
2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**30**						
36	IN4121	Lập trình hướng đối tượng	3	30	30		IN4002		4
37	IN4229	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	30			IN4107		5
38	IN4304	Lập trình Python và ứng dụng	3	30	30		IN4121		5
39	IN4541	Tiền xử lý dữ liệu	2	20	20		IN4539		5
40	IN4146	Thiết kế và cài đặt mạng máy tính	3	30	30				6
41	IN4542	Trực quan hóa dữ liệu	3	30	30		IN4541		6
42	IN4547	Xây dựng AI Agent trên nền tảng .NET	3	30	30		IN4121		6
43	IN4543	Máy học	3	30	30		IN4542		7
44	IN4152N	Xử lý ảnh	3	30	30		IN4002		8
45	IN4201P	Khai phá dữ liệu	3	30	30		IN4543		8
46	IN4544	Niên luận Trí tuệ nhân tạo	2		60		IN4545		10

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			Tiến độ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**20**						
2.2.1. Cơ sở dữ liệu			**8**						
47	IN4523	Cơ sở dữ liệu phân tán	2	30			IN4107		5
48	IN4105	Hệ quản trị CSDL SQL Server	2	20	20		IN4107		6
49	IN4548	Cơ sở dữ liệu NoSQL	2	20	20		IN4107		6
50	IN4505	Hệ quản trị CSDL My SQL và PostgreSQL	2	20	20		IN4107		7
51	IN4524	Cơ sở dữ liệu thời gian	2	30			IN4107		9
2.2.2. Phát triển ứng dụng			**12**						
52	IN4305	Kỹ nghệ phần mềm	2	30			IN4229		8
53	IN4308	IoT và ứng dụng	3	30	30		IN4304		8
54	IN4502N	Lập Trình Web PHP	3	30	30		IN4107 IN4121		9
55	IN4101	Bảo mật thông tin	2	30			IN4126N		10
56	IN4213P	Công nghệ Web	3	30	30		IN4547		10
57	IN4203	Lập trình cho thiết bị di động	3	30	30		IN4547		11
58	IN4228N	BlockChain và ứng dụng	3	30	30		IN4547		11
2.3. Kiến thức chuyên sâu			**28**						
59	IN4166	Hệ cơ sở tri thức	2	30			IN4019N		7
60	IN4165	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	30	30		IN4543		8
61	IN4171N	Thị giác máy tính	3	30	30		IN4152N		9
62	IN4545	Triển khai và vận hành ứng dụng Trí tuệ nhân tạo	3	30	30		IN4547		9
63	IN4552	Truy xuất thông tin	2	20	20		IN4165		9
64	IN4549	Hệ hỗ trợ quyết định	3	30	30		IN4543		10
65	IN4550	Học sâu và ứng dụng	3	30	30		IN4543		10
66	IN4600	Dữ liệu lớn	3	30	30		IN4542		11
67	IN4551	Xử lý âm thanh	3	30	30		IN4165		11
68	IN4553	Nhận dạng mẫu	3	30	30		IN4550		11
III. Khối kiến thức tập nghề nghiệp			**10**						
69	IN4421N	Thực tế chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo ứng dụng	1	5	20				10
70	IN4491	Thực tập cơ sở	3		90				12
71	IN4408	Thực tập tốt nghiệp	6		180	IN4491			12
IV. Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			**10**						
5.1. Đồ án tốt nghiệp			**10**						
72	IN4292	Đồ án tốt nghiệp	10		300		IN4040 IN4408		13
5.2. Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp			**10**						
73	IN4208	Tính toán song song	2	15	30		IN4002		13
74	IN4211	Phát triển phần mềm hướng đối tượng	3	30	30		IN4547		13
75	IN4554	Dự án trí tuệ nhân tạo	5		150		IN4544		13
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**165**						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			151						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			131						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			20						